

Thông kê các vụ điều tra áp dụng biện pháp chống bán phá giá do Việt Nam tiến hành với hàng nhập khẩu
Lists of anti-dumping cases conducted by Vietnam Authority against foreign imports
Thời gian cập nhật/ Lastest update: 03/7/2026

Nguồn: Hội đồng tư vấn về Phòng vệ thương mại - VCCI
Source: Trade Remedies Council - VCCI

Năm/ Year	STT/ No.	Mã vụ việc	Mặt hàng kiện	Investigated product	Mã HS sản phẩm/ HS Code	Nước bị kiện/ Investigated Country	Ngày khởi xướng/ Initiated date	Bên đệ đơn/Petitioner	Quá trình điều tra/ Investigation period						Ghi chú/Note	
									Quyết định khởi kiện/ Initiated Decision	Biện pháp tạm thời/ Provisional measure			Biện pháp cuối cùng/ Final measure			
										Quyết định/ Decision	Biên độ/ Margin	Thời gian/ Time	Quyết định/ Decision	Biên độ/ Margin		Thời gian/ Time
2025	23	AD23	Gạch gốm, sứ ốp lát	certain ceramic and porcelain tile	6907.21.21; 6907.21.22; 6907.21.23; 6907.21.24; 6907.21.91; 6907.21.92; 6907.21.93; 6907.21.94	Ấn Độ	18/08/2025	Công ty Cổ phần Tập đoàn VITTO, Công ty Cổ phần Công nghiệp Á Mỹ, Công ty Cổ phần Thắng Cường, Công ty Cổ phần CP Dongwa, Thái Lan	Quyết định số 2333/QĐ- BCT ngày 18/08/2025/ Decision 2333/QĐ-BCT on August 18 2025							
2025	22	AD22	Kính nổi trong suốt, kính nổi không màu	Clear Float Glass	7005.29.20 và 7005.29.90	Indonesia, Malaysia	18/07/2025	Công ty Cổ phần Kính nổi Chu Lai, Công ty Cổ phần Kính nổi Hà Long, Công ty TNHH Kính nổi siêu trắng Phú Mỹ và Công ty TNHH Kính nổi Việt Nam	Quyết định số 2092/QĐ- BCT ngày 18/07/2025/ Decision 2092/QĐ-BCT on July 18 2025				Quyết định 1400/QĐ- BCT ngày 12/6/2026/ Decision 1400/QĐ-BCT on 12 June 2026	- Indonesia: 32,78% - 43,78% - Malaysia: 41,07% - 63,39%	5 năm kể từ ngày 12/6/2026 / 5 years from 12 June 2026	
2024	21	AD21	Ván sợi gỗ	Wood fiber board	4411.12.00, 4411.13.00, 4411.14.00, 4411.92.00, 4411.93.00 và 4411.94.00	Thái Lan, Trung Quốc / Thailand, China	25/09/2024	Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Dongwa, Công ty Cổ phần Dongwa Việt Nam, Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quang Trị, Công ty Cổ phần Kim Tín MDF, Công ty Cổ phần Kim Tín MDF Đồng Phú	Quyết định 2549/QĐ- BCT ngày 25/09/2024/ Decision 2549/QĐ-BCT on September 25, 2024	Quyết định số 2491/QĐ- BCT ngày 05/09/2025/ Decision no 2491/QĐ- BCT on 05 September 2025	2,59% - 39,88%	Quyết định số 121/QĐ-BCT ngày 19/01/2026/ Decision no 121/QĐ- BCT on 19 January 2026	- Thái Lan: 3,09% - 20,20% - Trung Quốc: 2,59% - 39,88%	5 năm kể từ ngày 19/1/2026/ 5 years from 19 January 2026		
2024	20	AD20	Thép cán nóng	Hot rolled steel	7208.25.00, 7208.26.00, 7208.27.29, 7208.27.99, 7208.37.00, 7208.38.00, 7208.39.20, 7208.39.40, 7208.39.90, 7208.51.00, 7208.52.00, 7208.53.00, 7208.54.90, 7208.90.90, 7211.14.15, 7211.14.16, 7211.14.19, 7211.19.13, 7211.19.19, 7211.90.12, 7211.90.19, 7225.30.90, 7225.99.90, 7226.91.10, 7226.91.90, 7226.99.19, 7226.99.99	Ấn Độ, Trung Quốc / India, China	26/07/2024	Công ty Cổ phần Thép Hoà Phát Dung Quất và Công ty TNHH Gang thép Hưng nghiệp Formosa	Quyết định 1985/QĐ- BCT ngày 26/07/2024/ Decision 1985/QĐ-BCT on July 26, 2024	Quyết định 460/QĐ-BCT ngày 21/02/2025 / Decision 460/QĐ-BCT on February 21, 2025	- Trung Quốc: 19,38 - 27,83% - Ấn Độ: không áp thuế do tỷ lệ nhập khẩu không đáng kể (dưới 3%)	Quyết định 1959/QĐ- BCT ngày 04/07/2025 / Decision 1959/QĐ- BCT on July 04, 2025	- Trung Quốc: 19,38 - 27,83% - Ấn Độ: không áp thuế do tỷ lệ nhập khẩu không đáng kể (dưới 3%)	5 năm kể từ ngày 6/7/2025 / 5 years from 6/7/2025		
2024	19	AD19	Thép mạ	Plated Steel	7210.41.11, 7210.41.12, 7210.41.19, 7210.49.11, 7210.49.14, 7210.49.15, 7210.49.16, 7210.49.17, 7210.49.18, 7210.49.19, 7210.50.00, 7210.61.11, 7210.61.12, 7210.61.19, 7210.69.11, 7210.69.12, 7210.69.19, 7210.90.10, 7210.90.90, 7212.30.11, 7212.30.12, 7212.30.13, 7212.30.14, 7212.30.19, 7212.30.90, 7212.50.13, 7212.50.14, 7212.50.19, 7212.50.23, 7212.50.24, 7212.50.29, 7212.50.93, 7212.50.94, 7212.50.99, 7212.60.11, 7212.60.12, 7212.60.19, 7212.60.91, 7212.60.99, 7225.92.90, 7226.99.11, 7226.99.91	Trung Quốc, Hàn Quốc/China,Kore a	14/06/2024	Công ty CP Tập đoàn Hoa Sen; Công ty CP Thép Nam Kim; Công ty Tôn Phương Nam; Công ty CP Tôn Đông Á và Công ty CP China Steel & Nippon Steel Việt Nam	Quyết định 1535/QĐ- BCT ngày 14/6/2024/ Decision 1535/QĐ-BCT on June 14, 2024	Quyết định 914/QĐ-BCT ngày 01/04/2025 / Decision 914/QĐ-BCT on April 01, 2025	- Trung Quốc: 0 - 37,13% - Hàn Quốc: 0 - 15,67%				- Ngày 28/05/2025, Quyết định 1207/QĐ-BCT sửa đổi, bổ sung Quyết định 914/QĐ-BCT	
2023	18	AD18	Tháp điện gió	Wind towers	7308.20.11 và 7308.20.19 hoặc bộ phận của rô tô máy phát điện chạy bằng sức gió có mã HS 8502.31.10 và 8502.31.20	Trung Quốc	25/09/2023	Công ty TNHH CS WIND Việt Nam và Công ty TNHH Năng lượng xanh và tái tạo Phương Nam (SRE)	Quyết định 2494/QĐ- BCT ngày 25/09/2023/ Decision 2494/QĐ-BCT on September 25, 2023				Quyết định 3453/QĐ- BCT ngày 24/12/2024 / Decision 3453/QĐ- BCT on December 24, 2024	0-97%	5 năm kể từ ngày 8/1/2024 / 5 years from 08/01/2025	
2023	17	AD17	Cáp thép dự ứng lực	Prestressed steel cable	7312.10.91 và 7312.10.99	Malaysia, Thái Lan và Trung Quốc	05/07/2023	Công ty TNHH Một thành viên Thép dự ứng lực Hòa Phát	Quyết định 1704/QĐ- BCT ngày 05/07/2023/ Decision No.1704/QĐ- BCT on July 05, 2023				Quyết định 143/QĐ- BCT ngày 14/01/2025 / Decision 143/QĐ- BCT on January 14, 2025	- Malaysia: 9,79 - 12,06% - Thái Lan: 11% - Trung Quốc: 10,48 - 28%	5 năm kể từ ngày 29/1/2025 / 5 years from 29/1/2025	Ngày 21/1/2026, Quyết định số 150/QĐ-BCT tiến hành rà soát thuế CBPG
2021	16	AD16	Sản phẩm bàn, ghế	Tables and chairs	9401.30.00; 9401.40.00; 9401.61.00; 9401.69.90; 9401.71.00; 9401.79.90; 9401.80.00; 9401.90.40; 9401.90.92; 9401.90.99; 9403.30.00; 9403.60.90; 9403.90.90	Trung Quốc và Malaysia	01/09/2021	Công ty Cổ phần Xuân Hòa Việt Nam và Công ty Cổ phần Nội thất Hòa Phát	Quyết định số 2091/QĐ- BCT ngày 01/09/2021/Decision No.2091/QĐ-BCT on September 01 2021	Quyết định 1991/QĐ- BCT ngày 30/09/2022/ Decision No.1991/QĐ- BCT on September 30, 2022	- Malaysia: Không áp thuế CBPG tạm thời do tỷ lệ nhập khẩu không đáng kể (dưới 3%) - Trung Quốc: + Sản phẩm bàn: 35,20% + Sản phẩm ghế: 21,40%	120 ngày kể từ ngày 15/10/2022 / 120 days from October 15, 2022	Quyết định 235/QĐ- BCT ngày 13/02/2023 / Decision 235/QĐ- BCT on 13/02/2023	- Trung Quốc + Bàn: 35,2% + Ghế: 21,4% - Malaysia: chấm dứt điều tra CBPG đối với Malaysia	5 năm kể từ ngày 13/02/2023 / 5 years from 13/02/2023	
2021	15	AD15	Sản phẩm vật liệu hàn	Welding material products	7217.10.10; 7217.30.19; 7217.90.10; 7229.20.00; 7229.90.20; 7229.90.99; 8311.10.10; 8311.10.90; 8311.30.91; 8311.30.99; 8311.90.00	Trung Quốc/China, Thái Lan/Thailand, Malaysia	18/03/2021	Công ty Cổ phần Tập đoàn Kim Tín	Quyết định số 947/QĐ- BCT ngày 18/03/2021/ Decision No.947/QĐ- BCT on 18 March 2021	Quyết định 706/QĐ-BCT ngày 15/04/2022 / Decision No.706/QĐ- BCT on 15 April 2022	1. Que hàn inox 308 có bọc thuốc: - Malaysia: 0-12,78%; - Thái Lan: 36,11%; - Trung Quốc: 11,43% 2. Dây hàn thép đặc không lõi thuốc: - Malaysia: 15,30-34,37% - Trung Quốc: 22,77-36,56%	120 ngày kể từ ngày 22/04/2022 / 120 days from 22 April 2022	Quyết định 1624/QĐ- BCT ngày 15/08/2022 / Decision 1624/QĐ- BCT on August 15, 2022	*Que hàn inox 308 có bọc thuốc: - Malaysia: 0% - 12,78% - Thái Lan: 36,11% - Trung Quốc: 11,43% *Dây hàn thép đặc không lõi thuốc: - Malaysia: 14,11% - 34,37% - Thái Lan: Không áp thuế do tỷ lệ nhập khẩu không đáng kể - Trung Quốc: 22,77% - 36,56%	5 năm kể từ ngày 20/08/2022 / 5 years from August 20, 2022	Ngày 19/6/2026, Quyết định số 1453/QĐ-BCT tiến hành rà soát cuối kỳ biện pháp CBPG
2020	14	AD14	Một số sản phẩm Sorbitol	Sorbitol products	2905.44.00; 3824.60.00	Trung Quốc/China, Ấn Độ/India, Indonesia, Malaysia	11/12/2020	Công ty Cổ phần Sorbitol Pháp - Việt	Quyết định 3298/QĐ- BCT ngày 11/12/2020/ Decision No.3298/QĐ- BCT dated 11 December 2020	Quyết định 1719/QĐ- BCT ngày 06/07/2021 / Decision No. 1719/QĐ- BCT on July 06, 2021	- Trung Quốc: 45,15% - 68,50% - Indonesia: 39,63% - 57,55% - Ấn Độ: 52,75%	120 ngày kể từ ngày 13/07/2021 / 120 days from July 13, 2021	Quyết định 2644/QĐ- BCT ngày 23/11/2021 / Decision 2644/QĐ- BCT on November 23, 2021	- Ấn Độ: 52,75% - Indonesia: 44,39%-57,55% - Trung Quốc: 44,99%-68,50%	5 năm kể từ ngày 23/11/2021 / 5 years from November 23, 2021	Chi tiết: <u>Hồ sơ và video/Details</u>
2020	13	AD13-AS01	Đường mía	Sugar cane	1701.13.00, 1701.14.00 và 1701.99.10	Thái Lan / Thailand	21/09/2020	Công ty CP Mía đường Sơn La, Công ty CP Mía đường Sơn Dương, Công ty TNHH Công nghiệp KCP Việt Nam, Công ty CP Mía đường Cần Thơ, Công ty CP Mía đường 333, Công ty CP Mía đường Sóc Trăng	Quyết định 2466/QĐ- BCT ngày 21/09/2020/ Decision No.2466/QĐ- BCT on 21 September 2020	Quyết định số 477/QĐ- BCT ngày 09/02/2021/ Decision No.477/QĐ- BCT on 09 February 2021	29,23% - 44,23%	120 ngày kể từ ngày 16/02/2021 / 120 days from 16 Feb 2021	Quyết định số 1578/QĐ-BCT ngày 15/06/2021/ Decision No.1578/QĐ-BCT on 15 June 2021	42,99%	5 năm kể từ ngày 16/6/2021 / 5 years from 16 June 2021	Chi tiết: <u>Hồ sơ và video/Details</u>

2020	12	AD12	Thép hình chữ H	H-shaped steel	7216.33.11, 7216.33.19, 7216.33.90, 7228.70.10, 7228.70.90	Malaysia	24/08/2020	Công ty Cổ phần Thép Posco Yamato Vina	Quyết định 2251/QĐ-BCT ngày 24/08/2020 , Decision No. 2251/QĐ-BCT on 24 August 2020	Quyết định số 1162/QĐ-BCT ngày 02/04/2021 , Decision No. 1162/QĐ-BCT on 2 April 2021	10,2%	120 ngày kể từ 09/04/2021 / 120 days from 9 April 2021	Quyết định số 1975/QĐ-BCT ngày 18/08/2021/Decision No.1975/QĐ-BCT on August 18,2021	10,64%	5 năm kể từ 21/08/2021 / 5 years from August 21, 2021	Chi tiết: Hồ sơ vụ việc/ Details	Ngày 08/07/2025, Quyết định 1978/QĐ-BCT tiến hành rà soát cuối kỳ biện pháp CBPG Ngày 16/4/2026, Quyết định số 915/QĐ-BCT chấm dứt áp dụng biện pháp CBPG sau rà soát cuối kỳ lần 1
2020	11	AD11	Đường lỏng chiết xuất từ tinh bột ngô	High-fructose corn syrup	1702.60.10; 1702.60.20	Trung Quốc, Hàn Quốc/China,Korea	21/5/2020	Công ty CP Mía đường Sơn La, Công ty CP Mía đường Lam Sơn, Công ty TNHH CN KCP Việt Nam, Công ty CP Mía đường Cầu Thô, Công ty TNHH MK Sugar Việt Nam và Công ty CP Mía đường La Nga	Quyết định 1715/QĐ-BCT ngày 21/05/2020 , Decision No. 1715/QĐ-BCT on 21 May 2020							Chi tiết: Hồ sơ vụ việc/ Details	Ngày 07/10/2021, Quyết định 2274/QĐ-BCT về chấm dứt điều tra, không áp dụng biện pháp CBPG
2020	10	AD10	Sợi dài làm từ polyester	Polyester Filament Yarns	5402.33.00, 5402.46.00 , 5402.47.00	Trung Quốc, Ấn Độ, Indonesia, Malaysia	04/06/2020	Công ty CP Hòa dũa và Xơ sợi Việt Nam, Công ty TNHH Hưng Nghiệp Formosa Industries và Công ty Cổ phần Sơn Tế Kỳ	Quyết định 1079/QĐ-BCT ngày 06/04/2020 , Decision No. 1079/QĐ-BCT on 06 April 2020	Quyết định 2080/QĐ-BCT ngày 31/08/2021/Decision No.2080/QĐ-BCT on August 31, 2021	- Ấn Độ: 54,90% - Indonesia: 21,94% - Malaysia: 21,23% - Trung Quốc: 3,36% - 17,45%	120 ngày kể từ ngày 03/09/2021 / 120 days from September 03, 2021	Quyết định 2302/QĐ-BCT ngày 13/10/2021 / Decision No.2302/QĐ-BCT on October 13, 2021	- Ấn Độ: 54,90% - Indonesia: 21,94% - Malaysia: 21,45% - Trung Quốc: 3,36% - 17,45%	5 năm kể từ 16/10/2021 / 5 years from October 16,2021	Chi tiết: Hồ sơ vụ việc/ Details	Ngày 30/12/2022: Quyết định 2954/QĐ-BCT về tiến hành rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp CBPG Ngày 01/11/2023: Quyết định 2866/QĐ-BCT về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp CBPG (AR01.ADI0): điều chỉnh thuế CBPG đối với một số doanh nghiệp Ngày 18/02/2025, Quyết định 421/QĐ-BCT về rà soát lần thứ hai việc áp thuế CBPG Ngày 16/10/2025, Quyết định 3013/QĐ-BCT về tiến hành rà soát cuối kỳ lần 1 việc áp thuế CBPG
2019	9	AD09	Một số sản phẩm bột ngọt	Some Monosodium Glutamate Products	2922.42.20	Trung Quốc, Indonesia	31/10/2019	Công ty Ajinomoto Việt Nam, Công ty CP hữu hạn Vedan Việt Nam và Công ty TNHH Miwon Việt Nam	Quyết định 3267/QĐ-BCT ngày 14/10/2019 , Decision No. 3267/QĐ-BCT on 31 Oct. 2019	Quyết định 881/QĐ-BCT ngày 18/03/2020 , Decision No. 881/QĐ-BCT on 18 March 2020	2.889.245 VNĐ/tấn - 6.385.289 VNĐ/tấn	120 ngày kể từ ngày 25/03/2020 / 120 days from 25 March 2020	Quyết định 1933/QĐ-BCT ngày 22/07/2020 , Decision No.1933/QĐ-BCT on 22 July 2020	- Trung Quốc: từ 3.529.958 đồng/tấn đến 6.385.289 đồng/tấn - Indonesia: 5.289.439 đồng/tấn	5 năm kể từ 22/7/2020 / 5 years from 22 July 2020	Chi tiết: Hồ sơ vụ việc/ Details	Ngày 28/09/2021: Quyết định 2217/QĐ-BCT về rà soát lần 1 việc áp dụng biện pháp CBPG Ngày 06/04/2022: Quyết định 640/QĐ-BCT về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp CBPG (i) Indonesia: 5.289.439 VNĐ/tấn; (ii) Trung Quốc: 3.445.645 VNĐ/tấn - 6.385.289 VNĐ/tấn. Ngày 19/06/2023: Quyết định 1466/QĐ-BCT về rà soát (hàng năm) lần thứ hai việc áp dụng biện pháp CBPG Ngày 05/01/2024: Quyết định 22/QĐ-BCT về kết quả rà soát lần thứ hai việc áp dụng biện pháp CBPG: điều chỉnh thuế CBPG đối với một số doanh nghiệp Ngày 23/07/2024, Quyết định 1947/QĐ-BCT về việc rà soát cuối kỳ việc áp dụng biện pháp CBPG Ngày 02/07/2025, Quyết định 1914/QĐ-BCT tiếp tục áp thuế CBPG sau rà soát cuối kỳ
2019	8	AD08	Một số sản phẩm thép cán nguội (ép nguội) dạng cuộn hoặc tấm	Some cold-rolled (cold-pressed) steels under plate and coil form	7209.16.10, 7209.16.90, 7209.17.10, 7209.17.90, 7209.18.91, 7209.18.99, 7209.26.10, 7209.26.90, 7209.27.10, 7209.27.90, 7209.28.10, 7209.28.90, 7209.90.90, 7211.23.20, 7211.23.30, 7211.23.90, 7211.29.20, 7211.29.30, 7211.29.90, 7225.50.90	Trung Quốc	09/03/2019	Công ty TNHH Posco – Việt Nam, Công ty Cổ phần China Steel Sumikin Việt Nam và Công ty TNHH Một thành viên Thép tấm lá Phú Mỹ - VN-STEEL	Quyết định 2703/QĐ-BCT ngày 03/09/2019 , Decision No. 2703/QĐ-BCT on 3 Sep. 2019	Quyết định 3390/QĐ-BCT ngày 21/12/2020 , Decision No. 3390/QĐ-BCT on 21 December 2020	4,43% - 25,22%			5 năm kể từ 29/12/2020 / 5 years from 29 December 2020	Chi tiết: Hồ sơ vụ việc/ Details	Ngày 25/12/2024, Quyết định số 3565/QĐ-BCT tiến hành rà soát cuối kỳ thuế CBPG Ngày 26/12/2025, Quyết định số 3765/QĐ-BCT tiếp tục áp thuế chống bán phá giá sau rà soát cuối kỳ lần 1	
2019	7	AD07	Một số sản phẩm plastic và sản phẩm bằng plastic được làm từ các polyme từ propylen	Plastic products and Biaxially Oriented Polypropylene (BOPP) films	3920.20.10, 3920.20.91	Trung Quốc, Thái Lan, Malaysia / China, Thailand, Malaysia	08/05/2019	Công ty TNHH Hưng nghiệp Formosa, và Công ty CP Nhựa Youl Chon Vina/ Hưng Nghiệp Formosa Company Limited and Youl Chon Vina Plastic JSC	Quyết định 2334/QĐ-BCT ngày 05/08/2019 , Decision No. 2334/QĐ-BCT on 5 Aug. 2019	Quyết định 880/QĐ-BCT ngày 18/03/2020 , Decision No. 880/QĐ-BCT on 18 March 2020	10,91% - 43,04%	120 ngày kể từ ngày 25/03/2020 / 120 days from 25 March 2020	Quyết định 1990/QĐ-BCT ngày 20/07/2020 , Decision No.1990/QĐ-BCT on 20 July 2020	-Trung Quốc: 9,05-23,71% - Thái Lan: 17,3-20,35% - Malaysia: 18,87-23,42%	5 năm kể từ 20/7/2020 / 5 years from 20 July 2020	Chi tiết: Hồ sơ vụ việc/ Details	Ngày 24/09/2021: Quyết định 2201/QĐ-BCT về rà soát lần 1 áp dụng biện pháp CBPG Ngày 15/07/2022: Quyết định 1403/QĐ-BCT về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp CBPG: (i) Malaysia: 18,87%- 23,42% (ii) Thái Lan: 17,30%- 20,35% (iii) Trung Quốc: 9,45%- 23,71% Ngày 14/11/2022: Quyết định 2400/QĐ-BCT về rà soát nhà xuất khẩu mới Ngày 02/06/2023: Quyết định 1317/QĐ-BCT về kết quả rà soát nhà xuất khẩu mới. Áp dụng biện pháp CBPG với Công ty SRF Industries (Thailand) Ltd với mức thuế 12,23% Ngày 23/07/2024, Quyết định 1945/QĐ-BCT về việc rà soát cuối kỳ việc áp dụng biện pháp CBPG Ngày 14/7/2025, Quyết định 2027/QĐ-BCT chấm dứt áp dụng biện pháp CBPG sau rà soát cuối kỳ lần 1
2019	6	AD06	Sản phẩm ván sợi bằng gỗ hoặc bằng các loại vật liệu có chất gỗ khác	Fiber board products made of wood or other wood materials	4411.12.00; 4411.13.00; 4411.14.00; 4411.92.00; 4411.93.00; 4411.94.00	Thái Lan, Malaysia/ Thailand, Malaysia	22/4/2019	Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Kiên Giang, Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Đồngwha, Công ty Cổ phần Gỗ MDF VRG Quảng Trị và Công ty Cổ phần Kim Tin MDF/ VRG Kien Giang MDF Joint Stock Company, VRG Dongwha MDF, MDF VRG-Quang Tri Wood Joint Stock Company and Kim Tin MDF Joint Stock Company	Quyết định 940/QĐ-BCT ngày 16/04/2019 , Decision No. 940/QĐ-BCT on 16 Apr. 2019	Quyết định 128/QĐ-BCT ngày 14/01/2020 , Decision No.128/QĐ-BCT on 14 Jan 2020	Có dấu hiệu bán phá giá nhưng không có thiệt hại đáng kể và chưa bị đe dọa gây thiệt hại đáng kể đến ngành sản xuất trong nước. Kết luận: chấm dứt điều tra và không áp dụng thuế CBPG					Chi tiết: Hồ sơ vụ việc/ Details	
2019	5	AD05	Nhôm, hợp kim hoặc không hợp kim, dạng thanh, que và hình	Aluminum, alloy or non-alloy which are in bar, stick and shape form	7604.10.10; 7604.10.90; 7604.21.90; 7604.29.10; 7604.29.90	Trung Quốc/China	01/10/2019	1. Công ty CP Nhôm Austdoor, 2. Công ty CP Nhôm Sông Hồng; 3. Công ty TNHH Trung Yang; 4. Công ty CP Tập đoàn Mienhua/ 1. Austdoor Aluminum Joint Stock Company; 2. Song Hong Aluminum Joint Stock Company; 3. TUNG YANG CO, LTD.; 4. Mienhua Group Joint Stock Company	Quyết định 33/QĐ-BCT ngày 10/01/2019 , Decision No. 33/QĐ-BCT on 10 Jan. 2019	Quyết định 1480/QĐ-BCT ngày 29/05/2019 , Decision No.1480/QĐ-BCT on 29 May 2019	2,46% - 35,58%	05/06/2019 - 04/10/2019	Quyết định 2942/QĐ-BCT ngày 28/09/2019 , Decision No. 2942/QĐ-BCT on 28 Sep. 2019	2,49% - 35,58%	03/10/2019 - 03/10/2024	Chi tiết: Hồ sơ vụ việc/ Details	Ngày 20/04/2021, Quyết định số 1282/QĐ-BCT về kết quả rà soát lần thứ nhất việc áp dụng biện pháp chống bán phá giá với mức thuế CBPG: 5,47%-35,58% Ngày 10/6/2022, Quyết định 1149/QĐ-BCT tiến hành rà soát lần thứ hai việc áp dụng biện pháp CBPG Ngày 16/01/2023, Quyết định 74/QĐ-BCT về kết quả rà soát lần thứ hai việc áp dụng biện pháp CBPG, với mức thuế áp dụng: 2,85% - 35,58% Ngày 03/10/2023, Quyết định 2537/QĐ-BCT khởi xướng điều tra rà soát cuối kỳ việc áp dụng biện pháp CBPG Ngày 23/09/2024, Quyết định 2531/QĐ-BCT tiếp tục áp thuế CBPG sau rà soát cuối kỳ; gia hạn 05 năm, mức thuế: 2,85- 35,58%

